

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Thương Mại Giáp Thìn.
- 1.2. Địa chỉ: 15A Nguyễn Văn Cự, Khu Phố 7, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁺⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: CFMOTO
- 1.5. Tên thương mại: PAPIO XO-2
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): CF125-10F
- 1.7. Số giấy chứng nhận(2): 24KXM/276084
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6914/NECT-M/24/C, ngày 23/08/2024

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 114 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 279 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: 157FMI-2F Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 125 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 7,0/8250 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 số
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,000/1,857/1,368/1,143/0,957/0,875/.
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,600.
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 120/70-12 51L, áp suất lốp: 200 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 130/70-12 56P, áp suất lốp: 225 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 90 km/h

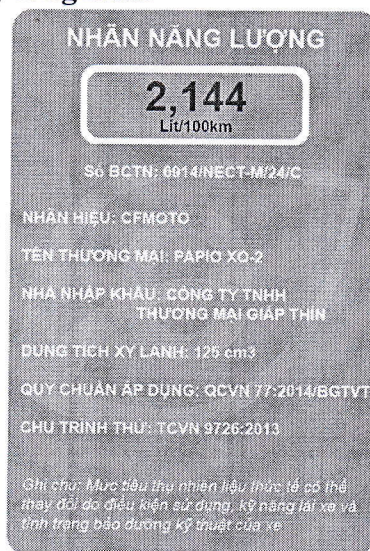


3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: ~~TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010~~/TCVN 9726:2013/.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,144 l/100km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GIÁP THÌN



Giám Đốc
Ngô Thị Hồng Quế

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm